

Bản án số: **03/2022/HNGĐ-ST**

Ngày: 27-01-2022

*“V/v ly hôn, tranh chấp về
nuôi con”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN BIÊN, TỈNH KIÊN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Thảo

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Mộng Lành

2. Ông Lê Văn Lộc

- Thư ký phiên tòa: Bà Tăng Thị Điền- Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Bà Lai Thị Ngọc Thúy- Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 01 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 63/2021/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 4 năm 2021 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 94/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 7 năm 2021, Thông báo về việc thay đổi thời gian mở phiên tòa số: 188/2021/TB-TĐTG ngày 19 tháng 7 năm 2021, Thông báo về việc mở phiên tòa xét xử số: 289/2021/TB-MPT ngày 06 tháng 12 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 85/2021/QĐST-HNGĐ ngày 30 tháng 12 năm 2021, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh Trương Văn C, sinh năm 1988 (có mặt);

2. *Bị đơn:* Chị Phạm Cẩm H, sinh năm 1993 (vắng mặt);

Cùng địa chỉ: ấp ĐG, xã NA, huyện AB, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Trong đơn khởi kiện ngày 28/9/2020 và trong quá trình tố tụng, nguyên đơn anh Trương Văn C trình bày và yêu cầu như sau:*

Anh và chị Phạm Cẩm H chung sống với nhau vào ngày 16 tháng 6 năm 2014, có đi đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã NA cấp Giấy chứng nhận kết hôn. Quá trình chung sống anh và chị Phạm Cẩm H 01 người con chung tên: Trương Đan H1, sinh ngày 23/10/2015 hiện nay đang chung sống với chị Phạm Cẩm H; về tài sản chung, anh và chị Phạm Cẩm H không có tài sản chung; về nợ anh và chị Phạm Cẩm H không có nợ người khác và người khác không có nợ anh chị. Thời gian chung sống anh và chị Phạm Cẩm H sống không hạnh phúc đến năm 2019 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn từ chuyện làm ăn nên thường xuyên cãi vã với nhau và xua đuổi, anh cố gắng nhẫn nhịn nhưng chị Phạm Cẩm H không thay đổi, anh và chị Phạm Cẩm H sống ly thân với nhau khoảng 03 năm nay không thể hàn gắn với nhau được nữa. Anh yêu cầu Tòa án giải quyết như sau: Về quan hệ hôn nhân, anh yêu cầu được ly hôn với chị Phạm Cẩm H. Về quan hệ con chung, khi ly hôn anh yêu cầu được nuôi con chung tên Trương Đan H1, sinh ngày 23/10/2015, anh không yêu cầu chị Phạm Cẩm H cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung và nợ, anh và chị Phạm Cẩm H không có tài sản chung, anh cam kết, anh và chị Phạm Cẩm H không có nợ người khác và người khác không có nợ anh chị nên anh không yêu cầu giải quyết.

** Tại biên bản xác minh ngày 28/12/2020, về nguyên nhân mâu thuẫn và tình trạng hôn nhân:*

Anh Trương Văn C và chị Phạm Cẩm H, cư trú: ấp ĐG, xã NA, huyện AB, tỉnh Kiên Giang đi làm thuê không có mặt ở nhà, cũng thường xuyên về gia đình, từ khoản tháng 7/2020 anh chị sống ly thân với nhau đến nay, chị Phạm Cẩm H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung tên Trương Đan H1.

** Bị đơn chị Phạm Cẩm H:* Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng hợp lệ cho chị Phạm Cẩm H nhưng chị Phạm Cẩm H không có ý kiến gì và cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì đối với yêu cầu khởi kiện của anh Trương Văn C nên Tòa án tiến hành giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

** Tài liệu, chứng cứ thu thập được có trong hồ sơ vụ án gồm:* Giấy chứng minh nhân dân tên Trương Văn C; Giấy chứng nhận kết hôn Trương Văn C và Phạm Cẩm H; Giấy khai sinh Trương Đan H1, sinh ngày 23/10/2015; Đơn xin xác nhận nơi cư trú của đương sự ngày 28/9/2020; Biên bản xác minh ngày 21/4/2021 của Tòa án nhân dân huyện An Biên.

** Tại phiên tòa:*

Nguyên đơn anh Trương Văn C yêu cầu được ly hôn với chị Phạm Cẩm H. Về quan hệ con chung, khi ly hôn anh giao người con chung tên Trương Đan H1,

sinh ngày 23/10/2015 cho chị Phạm Cẩm H tiếp tục nuôi dưỡng đến tròn 18 tuổi tự lao động sinh sống được, anh tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 600.000 đồng, cấp dưỡng định kỳ vào ngày 15 hàng tháng, tính từ ngày xét xử sơ thẩm 27/01/2022 cho đến khi con chung của anh chị tròn 18 tuổi tự lao động sinh sống được. Về tài sản chung và nợ, anh và chị Phạm Cẩm H không có tài sản chung, anh cam kết anh và chị Phạm Cẩm H không có nợ người khác và người khác không có nợ anh chị nên anh không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn chị Phạm Cẩm H vắng mặt đến lần thứ hai không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

- Về thủ tục tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cho đến khi đưa vụ án ra xét xử và tại phiên tòa hôm nay, Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký Tòa án thực hiện các thủ tục tố tụng từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử, xác định mối quan hệ pháp luật, đưa tư cách đương sự tham gia tố tụng, về thu thập tài liệu, chứng cứ chứng minh, tổng đạt các văn bản tố tụng và chuyển hồ sơ vụ án cho Viện Kiểm sát đúng trình tự thủ tục và thời gian quy định tại khoản 1 Điều 35, Điều 48, Điều 51, Điều 68, các Điều 208, 209, 210, 211, 239 và Điều 247 của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Pháp luật tố tụng dân sự. Bị đơn vắng mặt đến lần thứ hai không có lý do đề nghị xét xử vắng mặt bị đơn theo khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Xét đơn khởi kiện của anh Trương Văn C yêu cầu được ly hôn với chị Phạm Cẩm H và giao con cho chị Phạm Cẩm H tiếp tục nuôi dưỡng là có căn cứ chấp nhận nên đề nghị Hội đồng xét xử cho anh Trương Văn C được ly hôn với chị Phạm Cẩm H. Về quan hệ con chung, khi ly hôn anh Trương Văn C giao con chung của anh chị cho chị Phạm Cẩm H tiếp tục nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con, anh Trương Văn C tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 600.000 đồng, cấp dưỡng định kỳ vào ngày 15 của tháng, tính từ ngày xét xử sơ thẩm 27/01/2022 cho đến khi con chung của anh chị tròn 18 tuổi tự lao động sinh sống được nên đề nghị ghi nhận. Về tài sản chung và nợ, anh Trương Văn C tự xác định không có tài sản chung và anh cam kết có nợ, anh không yêu cầu Tòa án giải quyết đề nghị Hội đồng xét xử miễn xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn anh Trương Văn C yêu cầu được ly hôn với chị Phạm Cẩm H và tranh chấp về nuôi con. Nguyên đơn và bị đơn đều cư trú tại: ấp DG, xã NA, huyện AB, tỉnh Kiên Giang nên xác định đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho chị Phạm Cẩm H biết và ấn định thời gian để chị có ý kiến về việc anh Trương Văn C khởi kiện ly hôn và tranh chấp về nuôi con đối với chị Phạm Cẩm H nhưng chị không có ý kiến gì và cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Tòa án tổ chức và thông báo cho các bên đương sự để tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, nhưng chị Phạm Cẩm H vắng mặt đến lần thứ hai không có lý do. Như vậy, đây là thuộc trường hợp không tiến hành hoà giải được theo quy định tại khoản 1 Điều 207 của Bộ luật tố tụng dân sự nên Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung và tổng đạt quyết định đưa vụ án ra xét xử, các thông báo về việc thay đổi thời gian mở phiên tòa, thông báo mở phiên tòa xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa cho chị Phạm Cẩm H nhưng chị vẫn cố tình vắng mặt đến lần thứ hai không có lý do. Đồng thời, tại phiên tòa lần thứ hai anh Trương Văn C không yêu cầu hoãn phiên tòa. Vì vậy, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt chị Phạm Cẩm H theo quy định tại khoản 2 Điều 227, điểm b khoản 1 Điều 238 và Điều 241 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung: Xét về quan hệ hôn nhân, anh Trương Văn C và chị Phạm Cẩm H chung sống với nhau và đăng ký kết hôn năm 2014, được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền (*Ủy ban nhân dân xã NA là nơi cư trú một trong các bên của anh chị*) cấp giấy chứng nhận kết hôn số 84/2014, quyển số 02/2013, ngày 29 tháng 7 năm 2014, anh chị đảm bảo các điều kiện kết hôn khác theo quy định của pháp luật là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận theo quy định tại Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình.

Xét khởi kiện của anh Trương Văn C được ly hôn với chị Phạm Cẩm H, thời gian chung sống đến năm 2019 phát sinh mâu thuẫn từ chuyện làm ăn, anh chị thường xuyên cự cãi với nhau, nhiều lần chị Phạm Cẩm H xua đuổi anh và anh cố gắng nhẫn nhịn sống chung nhưng chị H không thay đổi mà bỏ đi sống ly thân với anh khoảng 03 năm nay, không thể hàn gắn với nhau được nên anh yêu cầu được ly hôn với chị Phạm Cẩm H nhưng chị Phạm Cẩm H không có ý kiến

yêu cầu gì, không quan tâm đến việc anh Trương Văn C yêu cầu ly hôn với chị là vi phạm nghĩa vụ giữa vợ chồng thời gian dài, vợ chồng không chăm sóc, lo lắng lẫn nhau mà anh chị không có biện pháp hàn gắn để chung sống với nhau nên hôn nhân của anh chị đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay anh Trương Văn C cương quyết yêu cầu được ly hôn với chị Phạm Cẩm H. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị Kiểm sát viên và yêu cầu khởi kiện của anh Trương Văn C, cho anh Trương Văn C được ly hôn với chị Phạm Cẩm H là phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 51, Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

Về quan hệ con chung, anh Trương Văn C và chị Phạm Cẩm H có 01 người con chung tên: Trương Đăng H1, sinh ngày 23/10/2015 hiện nay đang chung sống với chị Phạm Cẩm H. Khi ly hôn anh Trương Văn C đồng ý giao người con chung cho chị Phạm Cẩm H tiếp tục nuôi dưỡng, chị Phạm Cẩm H không có ý kiến yêu cầu gì. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của Kiểm sát viên, yêu cầu của anh Trương Văn C, giao con chung của anh chị tên Trương Đăng H1, sinh ngày 23/10/2015 cho chị Phạm Cẩm H tiếp tục nuôi dưỡng đến tròn 18 tuổi tự lao động sinh sống được là phù hợp quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con, anh Trương Văn C tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 600.000 đồng, cấp dưỡng định kỳ vào ngày 15 hàng tháng, tính từ ngày xét xử sơ thẩm 27/01/2022 cho đến khi con chung của anh chị tròn 18 tuổi tự lao động sinh sống được. Chị Phạm Cẩm H không ý kiến yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện của anh Trương Văn C cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 600.000 đồng, cấp dưỡng định kỳ vào ngày 15 của tháng, tính từ ngày xét xử sơ thẩm 27/01/2022 cho đến khi con chung của anh chị tròn 18 tuổi tự lao động sinh sống được theo quy định tại khoản 2 Điều 82, khoản 1 Điều 107, Điều 110 và Điều 117 của Luật hôn nhân và gia đình.

Về tài sản chung và nợ, anh Trương Văn C xác định, anh và chị Phạm Cẩm H không có tài sản chung, anh Trương Văn C cam kết anh và chị H không nợ người khác, người khác không nợ anh chị và anh không yêu cầu giải quyết nên không xem xét. Nếu sau này có phát sinh chia tài sản chung và nợ thì được xem xét giải quyết bằng vụ kiện khác.

[4] Về án phí, nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn không phụ thuộc vào việc Tòa án chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu và

án phí cấp dưỡng nuôi con nhưng được trừ vào số tiền đã tạm ứng án phí theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự, điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 207, khoản 2 Điều 227, điểm b khoản 1 Điều 238, Điều 241, Điều 266 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 9, khoản 1 Điều 51, Điều 56, khoản 2 Điều 81, Điều 82, Điều 83, khoản 1 Điều 107, Điều 110 và Điều 117 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTV QH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho anh Trương Văn C được ly hôn với chị Phạm Cẩm H.

2. Về quan hệ con chung: Giao con chung của anh chị tên: Trương Đăng H1, sinh ngày 23/10/2015 cho chị Phạm Cẩm H tiếp tục nuôi dưỡng đến tròn 18 tuổi tự lao động sinh sống được và hiện nay đang chung sống với chị Phạm Cẩm H.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người không trực tiếp nuôi con.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Ghi nhận sự tự nguyện của anh Trương Văn C cấp dưỡng nuôi con chung. Anh Trương Văn C phải cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 600.000 đồng, cấp dưỡng định kỳ vào ngày 15 của tháng, tính từ ngày xét xử sở thẩm 27/01/2022 cho đến khi con chung của anh chị tên Trương Đăng H1 tròn 18 tuổi tự lao động sinh sống được. Hiện nay con chung của anh chị đang chung sống với chị H.

4. Về tài sản chung và nợ: Anh Trương Văn C xác định anh và chị Phạm Cẩm H không có tài sản chung, anh cam kết không có nợ người khác, người khác không có nợ anh chị và anh không yêu cầu giải quyết nên không xem xét. Nếu sau này có phát sinh chia tài sản chung và nợ thì được xem xét giải quyết bằng vụ kiện khác.

5. Về án phí: Buộc anh Trương Văn C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm lý hôn là 300.000 đồng và án phí cấp dưỡng nuôi con là 300.000 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu số 00072229 ngày 16 tháng 4 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang. Anh Trương Văn C còn phải nộp tiếp án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng.

6. Bảo quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong hạn là 15 ngày, kể từ ngày tuyên án 27/01/2022. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện An Biên;
- Chi cục THADS huyện An Biên;
- UBND xã NA;
- Các đương sự;
- Lưu: HSVA,VP (Điều).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Văn Thảo